

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 683/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1990
Thường trú: ấp Bình T, xã Thạnh T, huyện Bình Đ, tỉnh Bến T (có đơn xin vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1974
Thường trú: ấp Tân H, xã Tân M, huyện Chợ M, tỉnh An G.
Địa chỉ: khu phố A, phường Linh T, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2020 và bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Thạnh Trị, huyện Bình Đ, tỉnh Bến T. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Theo bà cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc ngay từ đầu nguyên nhân là do ông T mê chơi, không lo làm ăn, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 05/10/2009 và Huỳnh Thiên P, sinh ngày 11/6/2016. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Ngọc N, giao con chung tên Huỳnh Thiên P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn đúng như bà L trình bày. Theo ông, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 nguyên nhân là do ông ham chơi nên gây nợ nần, từ đó vợ chồng cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà L bỏ nhà sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tuy nhiên ông đã nhận thấy sai sót của mình, ông xác định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 05/10/2009 và Huỳnh Thiên P, sinh ngày 11/6/2016. Trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu nuôi cháu Huỳnh Thiên P, bà L nuôi cháu Huỳnh Ngọc N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L và giao con chung tên Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 05/10/2009 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên và Huỳnh Thiên Phúc, sinh ngày 11/6/2016, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữ các đương sự là “Tranh chấp ly hôn” nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Huỳnh Văn T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 14/10/2008 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 15/6/2018 bà L nộp đơn xin ly hôn với ông T. Trong quá trình hòa giải bà L kiên quyết xin ly hôn, ông T xác

định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, tại phiên Tòa hôm nay mặc dù ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2017, đến nay đời sống hôn nhân không tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm yêu thương nhau, không còn gắn bó tình cảm yêu thương, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà L và ông T cũng như giấy khai sinh của 02 người con được bà L cung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung giữa bà L và ông T có 02 người con chung tên Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 05/10/2009 và Huỳnh Thiên P, sinh ngày 11/6/2016. Cả hai thống nhất giao con chung tên Huỳnh Ngọc N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Thiên Phúc. Hội đồng xét xử nhận thấy hai người con chung được chăm sóc tốt và được đi học, ông T và bà L có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc con mặt khác theo thỏa thuận của ông T và bà L, nên ghi nhận việc bà L trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Ngọc N, ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Huỳnh Thiên Phúc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Không có

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Bà L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 05/10/2009 và Huỳnh Thiên P, sinh ngày 11/6/2016.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 05/10/2009. Ông Huỳnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Thiên Phúc, sinh ngày 11/6/2016. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056801 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Bà L đã nộp đủ án phí. Ông Huỳnh Văn T không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

